

# XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM SAU GIA NHẬP WTO

**TS. Nguyễn Quốc Luật**  
*Trường Đại học Thủy Lợi*

Khi gia nhập WTO, Việt Nam cam kết sẽ giảm thuế hàng nông sản với mức hiện hành trong vòng 3 - 5 năm từ mức 24,5% hiện nay xuống xấp xỉ 20%. Những nhóm hàng phải giảm nhiều nhất là thịt, sữa, rau quả chế biến, thực phẩm chế biến, quả ôn đới. Trợ cấp của nhà nước cho nông nghiệp xuất khẩu cũng phải xóa bỏ. Ngoài các cam kết về mở cửa thị trường, Việt Nam còn cam kết mở rộng quyền kinh doanh xuất nhập khẩu, quyền phân phối cho các doanh nghiệp nước ngoài. Do đó các công ty nước ngoài vốn rất mạnh về tài chính, có trình độ cao về quản lý, có hệ thống phân phối thông tin hiện đại thâm nhập vào kinh doanh tại Việt Nam là những đối thủ cạnh tranh đáng gờm của các doanh nghiệp nội địa Việt Nam. Thách thức này càng lớn khi Việt Nam có những khó khăn mang tính nội tại xuất phát từ bối cảnh nền nông nghiệp có trình độ phát triển thấp, quy mô sản xuất nhỏ bé, manh mún, chất lượng nhiều loại nông sản chưa cao, nhiều doanh nghiệp chế biến luôn ở tình trạng thiếu hoặc không đảm bảo nguyên liệu dẫn đến giá thành cao, chất lượng thấp.

Tuy nhiên, khi gia nhập WTO, nông nghiệp Việt Nam cũng có một số thuận lợi:

- Cam kết về hệ thống chính sách nông nghiệp điều chỉnh phù hợp với WTO sẽ tạo ra môi trường kinh doanh trong nước bình đẳng cho mọi thành phần kinh tế nhất là các doanh nghiệp tư nhân vừa và nhỏ. Bên cạnh cơ hội tiếp cận thị trường các nước trong khu vực, còn tạo điều kiện mở rộng thị trường cho nông sản Việt Nam được hưởng quy chế thương mại bình thường (MFN) và đối xử quốc gia (NT) giữa các nước thành viên WTO. Điều này phù hợp với chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn nhằm phát triển một nền nông nghiệp hướng mạnh ra xuất khẩu. Điều này cũng tạo điều kiện cho sản phẩm nông nghiệp có thể dễ dàng đi vào các thị trường nước ngoài hơn do hàng rào thuế quan và phi thuế quan bị thu hẹp hoặc rở bỏ. WTO còn là diễn đàn để Việt Nam có thể đấu tranh chống lại những đối xử bất công trong thương mại.

- Trong những năm qua, có tới hơn 60% nguyên liệu đầu vào cho sản xuất nông nghiệp và các doanh nghiệp sản xuất chế biến nông sản chủ yếu từ nhập khẩu. Do hạn

chế về năng lực tài chính nên nông dân và doanh nghiệp chế biến nông sản rất khó nhập khẩu trực tiếp từ các đối tác nước ngoài, đồng thời cũng không đủ khả năng dự trữ được các nguyên vật liệu cần thiết đó nên thường phải mua lại từ các cơ sở đại lý, do đó đã làm tăng chi phí sản xuất và rất khó nắm bắt được nhu cầu của khách hàng nước ngoài. Hội nhập WTO khiến cho các hàng hóa đó đưa vào Việt Nam phong phú hơn, giá rẻ hơn, sẽ làm giảm sức ép về nguyên liệu ngoại nhập và cũng sẽ biết được nhu cầu của thị trường thế giới do được tiếp xúc trực tiếp với các nhà phân phối nước ngoài.

- Xuất phát từ nhu cầu phát triển của nông nghiệp Việt Nam phù hợp với lộ trình thực hiện các cam kết của WTO, môi trường pháp lý và chính sách đối với nông nghiệp của nhà nước sẽ tốt hơn và ổn định hơn, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho nông nghiệp phát triển. Nhà nước sẽ điều chỉnh chiến lược, quy hoạch phát triển nông nghiệp theo hướng thị trường hơn, tiếp tục xây dựng và duy trì các điều kiện cạnh tranh bình đẳng, minh bạch giữa các loại hình doanh nghiệp trên mỗi vùng sản xuất nông nghiệp, vùng chuyển đổi sang công nghiệp, dịch vụ cụ thể và mang tính dài hạn, tạo cơ sở pháp lý ổn định để các loại hình doanh nghiệp yên tâm đầu tư phát triển kinh doanh ổn định lâu dài.

- Theo cam kết của WTO, nhà nước không được hỗ trợ cho hàng nông sản xuất khẩu, nhưng Việt Nam vẫn duy trì được điều

kiện WTO gọi là “sự hỗ trợ về bóp méo thương mại”, tức là có thể sử dụng tài chính hỗ trợ cho việc nghiên cứu khoa học, đường xá, cơ sở hạ tầng, cơ sở bảo quản, kho lạnh,... giúp đỡ nông nghiệp phát triển. Số tiền hỗ trợ này hiện ở Pháp hàng năm lên trên 20 tỷ FF, ở Mỹ cũng trên 14 tỷ USD và ở Việt Nam được phép sử dụng đến 4.000 tỷ đồng.

Ngoài ra một số sản phẩm như trứng, thuốc lá, đường và muối... sẽ được bảo hộ từng phần thông qua quota, thuế nhập khẩu cao.

Trên thực tế nông nghiệp Việt Nam vẫn duy trì được sự phát triển hàng năm bình quân 4% từ những năm 2000 tới nay. Đặc biệt năm 2006 nông nghiệp đã phải vượt bao khó khăn thử thách: Những tháng đầu năm hạn hán xảy ra ở nhiều địa phương, nhất là các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng, thiếu điện nghiêm trọng cho yêu cầu bơm tưới phục vụ cho gieo cấy và chăm sóc lúa đông xuân ở các tỉnh phía bắc; Tiếp theo 10 cơn bão dồn dập liên tiếp đổ vào biển Đông, kèm theo lũ lụt đổ bộ vào miền Trung. Rồi bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá trên cây lúa đồng bằng sông Cửu Long làm giảm 1 triệu tấn lương thực. Tuy vậy nền sản xuất vẫn tiếp tục tăng trưởng, tiếp tục chuyển mạnh sang sản xuất mang tính chất hàng hóa. Người sản xuất đã quan tâm đến chất lượng và giá trị của sản phẩm cũng như hiệu quả đầu tư xuất khẩu nhiều mặt hàng cao hơn kế hoạch dự kiến do

các doanh nghiệp tiếp tục tìm kiếm thị trường, ổn định lượng hàng xuất khẩu. Trước hết về lúa gạo: Năm 2005 cả năm xuất 5,2 triệu tấn, kim ngạch đạt 1,4 tỷ USD. Đây là năm thứ 9 liên tiếp Việt Nam giữ vị trí thứ 2 trong xuất khẩu gạo. Năm 2006 Việt Nam vẫn giữ vị trí này tuy lượng xuất khẩu còn 4,7 triệu tấn với kim ngạch 1,3 tỷ USD. Năm 2007 có chủ trương đảm bảo an ninh lương thực, nhưng vẫn đảm bảo xuất khẩu trên 5 triệu tấn, gạo của Việt Nam hầu như không có đối thủ vì lượng gạo xuất khẩu của Thái Lan (đang giữ vị trí số 1 thế giới về hàng xuất khẩu) mỗi ngày một giảm. Hơn nữa gạo Thái Lan chất lượng cao không giống với gạo Việt Nam chỉ ở phẩm chất trung bình và khá. Thị trường nhập khẩu gạo còn rất rộng lớn. Chỉ riêng Philippin, Indônêsiã, Malaysia, Nhật Bản đã nhập của Việt Nam 2 triệu tấn. Đích của chúng ta là phấn đấu xây dựng vùng chuyên canh 1 triệu ha lúa chất lượng cao ở đồng bằng sông Cửu Long và 0,3 triệu ha ở đồng bằng sông Hồng để nâng cao chất lượng hạt gạo, để có khả năng nâng tầm giá bán gạo lên sát với giá gạo Thái Lan.

Cây xuất khẩu mang vương miện nhiều năm nay là cây hồ tiêu. Việt Nam luôn là quốc gia số 1 trên thế giới với nhiều giống tiêu có chất lượng, độ cay cao. Việt Nam không phải lo lắng với đối thủ cạnh tranh nào về loại cây này, giá hồ tiêu đang tăng liên tục trên thế giới, nên người trồng và người xuất khẩu đều có lợi nhuận khá. Việt Nam sẽ

phấn đấu đến năm 2010 kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu đạt 1 tỷ USD.

Cà phê Việt Nam hiện cũng là mặt hàng xuất khẩu đứng thứ hai trên thế giới. Mấy năm trước cà phê trên thị trường thế giới cung vượt cầu nên các nhà kinh doanh Việt Nam cũng lao đao, nhưng năm 2006 cà phê Việt Nam đã vươn lên do giá cà phê tăng cao. Tuy Việt Nam đứng sau Braxin về xuất khẩu cà phê về lượng, nhưng lại là nước sản xuất cà phê Robusta hàng đầu thế giới nhờ vùng đất bazan Tây Nguyên màu mỡ. Ba, bốn năm trước ngành cà phê của Việt Nam có gặp khó khăn, nhưng điều này cũng có mặt tốt là giúp ta loại bỏ được 100.000 ha cà phê già cỗi, năng suất thấp để tập trung cho các vùng cà phê mới, năng suất cao, tươi tiêu thuận tiện, đạt sản lượng và chất lượng cao.

Cây điều là cây Việt Nam có thể khống chế được lượng giao dịch trên thị trường điều toàn cầu với ưu thế áp đảo. Năm 2006 kim ngạch xuất khẩu của điều đạt khoảng nửa tỷ USD. Điều là cây chịu hạn, dễ trồng, có thể phát triển ở khắp giải đất miền Trung và miền Đông Nam Bộ. Ưu điểm của điều Việt Nam là giá thành sản xuất thấp (chỉ bằng một nửa so với Ấn Độ), biên độ mở rộng diện tích điều còn khá lớn nên điều Việt Nam hầu như không có đối thủ. Song cũng như cây cà phê, điều tối quan trọng là phải cân bằng được giữa lượng sản xuất với nhu cầu tiêu thụ trên thế giới để tránh giá bị sụt giảm.

Năm 2006 thực sự là năm thăng hoa của cây cao su Việt Nam với giá mủ cao su rất cao. Giá xuất khẩu mủ cao su của Việt Nam đạt 2.000 USD/tấn, tăng gấp đôi so với năm 2005. Đây là năm thứ 3 liên tiếp giá mủ cao su đứng ở mức cao và ổn định. Diện tích cây cao su cả nước cũng tăng đạt 0,5 triệu ha. Hiện các ngành công nghiệp có nhu cầu rất lớn về mủ cao su thiên nhiên nên dự báo đến năm 2007 lượng tiêu thụ mủ cao su tiếp tục tăng 5 - 6%, giá cũng tăng hơn. Hiện Việt Nam đang đứng thứ 5 thế giới về sản lượng và năng suất mủ cao su sau Thái Lan, Indônêsi-a, Malaysia, Ấn Độ và đã đạt kim ngạch xuất khẩu xấp xỉ 1,5 tỷ USD năm 2006. Thị trường bên ngoài của cao su còn rất lớn nên cao su Việt Nam vẫn tiếp tục có chỗ đứng quan trọng trên thị trường thế giới. Không cần xuất đi xa, chỉ riêng Trung Quốc đã là thị trường tiêu thụ mủ cao su Việt Nam khổng lồ rồi. Mục tiêu năm 2007 của Tổng công ty cao su Việt Nam là tăng năng suất khai thác mủ cao su lên 1,8 - 2 tấn/ha nhằm đuổi kịp 4 nước xếp trên về thứ hạng.

Cây chè là cây có khả năng trị nhiều bệnh trong sử dụng nên cũng có được vị trí và đang được cải tạo mở rộng trồng trọt ở các vùng Trung du. Các xí nghiệp chế biến chè cũng được cải tạo, sử dụng kỹ thuật công nghệ cao để chế biến nhiều loại chè xanh, đen, vàng. Xuất khẩu chè năm 2006 đạt 110 triệu USD, dự kiến sẽ xuất qua 83 nước và đến năm 2010 đạt kim ngạch xuất khẩu trên 190 USD.

Ngoài những loại cây quả đã từng xuất khẩu như lạc, đậu xanh, thanh long, dưa, dưa hấu... đã xuất hiện nhiều loại nông sản mới đưa ra thị trường nước ngoài và có khả năng phát triển được thị phần. Đáng kể là Hòa Bình đã tận dụng dưa chuột, gừng củ, lá ớt để xuất khẩu. Bắc Giang đang đẩy mạnh cây gấc, đi vào chuyên canh các loại rau thơm gia vị... Nhiều địa phương khác cũng tích cực chuyển đổi mạnh cơ cấu cây trồng, khuyến khích phát triển mở rộng kinh tế VAC, củng cố hợp tác xã nông nghiệp dịch vụ để đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp theo hướng cung ứng nhiều hàng hóa cho thị trường.

Một số địa phương còn tận dụng được phế thải của sản xuất để sản xuất hàng tiêu dùng và xuất khẩu như vỏ dừa, bẹ dừa, gáo dừa làm các mặt hàng mỹ nghệ, giấy, đế giày, bèo lục bình, bẹ ngô để làm thảm v.v...

Một số địa phương còn kết hợp phát triển làng nghề với du lịch nghỉ ngơi. Một số xí nghiệp chế biến cũng đã có đóng góp đáng kể cho phát triển sản phẩm nông nghiệp. Ví dụ, công ty thực phẩm Minh Dương đã trở thành người bạn đồng hành của nông dân, góp sức tiêu thụ củ sắn cho người sản xuất và tạo ra việc làm cho người nông dân. Đến năm 2006 công ty Minh Dương đã bỏ ra 50 tỷ đồng để nâng cấp thiết bị chế biến sắn củ, với dây chuyền sản xuất này công ty đã sản xuất mạch nha 12.000 tấn/năm, tiêu thụ 12.000 tấn bột sắn/năm. Từ dây chuyền này

công ty làm ra 2 sản phẩm mới là mantơ, déctorin, nguyên liệu phụ gia cho công nghiệp thực phẩm và dược phẩm, mỗi năm sản xuất 3.000 tấn. Nhà máy đường Glucô công suất 1.500 tấn/năm. Mỗi năm các dây chuyền tiêu thụ khoảng 18.000 tấn/năm tinh bột sắn, tương đương 50.000 tấn sắn tươi. Năm 2007 công ty đưa thêm dây chuyền sản xuất bột sữa dừa vào hoạt động và đã bước đầu chào hàng xuất khẩu ra nước ngoài. Hiện nay mỗi tháng công ty sản xuất 30 tấn bột sữa dừa. Khi thị trường xuất khẩu ổn định, công suất sẽ được nâng lên 150 tấn/tháng và lượng dừa quả tiêu thụ sẽ lên tới hàng triệu quả/năm.

Công ty Ba Thuận với thương hiệu trứng sạch xuất hiện đầu tiên ở Việt Nam. Công ty đã bỏ ra 650.000 Euro nhập dây chuyền rồi lập xưởng, kho hàng... tất cả lên đến 30 tỷ đồng, cho phép xử lý 65.000 quả trứng/giờ. Công ty đã tiêu thụ trứng cho người chăn nuôi khắp 16 tỉnh thành miền Tây, miền Đông Nam Bộ và cao nguyên Lâm Đồng. Ngoài việc đổi mới công nghệ đầu tư kho bảo quản đạt chuẩn để trữ trứng nhằm bình ổn giá trước biến động thị trường, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO HACCP..., công ty Ba Thuận còn cải tiến và mở rộng mạng lưới phân phối. Nhà máy của công ty Ba Thuận là nhà máy xử lý trứng gia cầm hiện đại nhất Đông Nam Á, là một dấu ấn đáng ghi nhận trong quá trình hội nhập.

Công ty cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu Phong San tại Bến Bằng Bến Cát, có thể xem là trại lợn quy mô nhất ở Đông Nam Bộ hiện nay. Công ty thực hiện phương pháp nuôi lợn sạch lần đầu tiên ứng dụng tại Việt Nam, sử dụng hoá chất Ctair pha vào nước cho lợn uống để phân lợn không còn mùi hôi, được sử dụng trực tiếp trở lại làm phân bón cây trồng. Hoạt chất này được công ty bảo vệ môi trường của Đài loan sáng chế và cho phép. Công ty Phong San chẳng những độc quyền sử dụng mà còn cam kết mua lại toàn bộ nguồn phân lợn thải ra.

Tại khu vực Bến Bằng, các chủ trang trại tập trung của 2 tỉnh Bình Phước, Bình Dương đã đặt hàng mua hết phân lợn của Phong San, không còn để xuất khẩu ngược lại cho đối tác. Phân này được bán với giá 1.100 đồng/kg mà vẫn thiếu hàng. Thịt lợn của công ty Phong San được bán với giá 19.000-20.000 đồng/kg, trong khi giá lợn ở thị trường chỉ 16.000-17.000 đồng/kg, chủ yếu bán cho công ty kỹ nghệ thực phẩm Vissan. Ngoài ra các lò mổ cung cấp cho các bếp ăn tập thể, nhà hàng cũng đặt hàng vì nuôi theo phương pháp này tỷ lệ nạc của lợn cao hơn.

Có thể nói nông nghiệp và các doanh nghiệp kinh doanh nông dân đang có bước chuyển biến mạnh trong hội nhập. Nghị quyết Hội nghị lần thứ Tư Ban chấp hành Trung ương quyết định bổ sung nguồn lực và tăng cường chỉ đạo phát triển nông nghiệp nông thôn nêu rõ:

- Trên nguyên tắc đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, đẩy mạnh quá trình chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi tạo ra sản phẩm nông nghiệp có giá trị và khả năng cạnh tranh cao hơn, hình thành những vùng sản xuất hàng hoá lớn tập trung. Đẩy mạnh nghiên cứu và chuyển giao khoa học kỹ thuật cho nông dân phát triển các loại giống, cây con, ứng dụng công nghệ nuôi trồng tiên tiến.

- Phát triển quan hệ liên kết giữa các hộ sản xuất nông nghiệp nuôi trồng thuỷ sản, sản xuất muối với các chế biến, doanh nghiệp thương mại dịch vụ cơ sở nghiên cứu khoa học theo mô hình liên kết "4 nhà"; khuyến khích nông dân mua cổ phiếu trong các nhà máy chế biến nông sản, doanh nghiệp thương mại dịch vụ nông nghiệp. Thúc đẩy quá trình tích tụ ruộng đất gắn với việc chuyển dịch lao động nông nghiệp sang các ngành nghề khác. Khuyến khích phát triển mạnh các doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động ở nông thôn, phát triển các làng nghề, các cụm công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn. Tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã trong nông nghiệp nông thôn có điều kiện sinh hoạt cao hơn. Phát triển hệ thống trường dạy nghề cho nông dân.

- Tăng ngân sách đầu tư cho nông nghiệp và nông thôn cùng việc dành toàn bộ các nguồn vốn hỗ trợ trước đây cho khuyến

khích xuất khẩu nông sản để đầu tư phát triển thuỷ lợi, giao thông nông thôn đồng bộ, phối hợp với yêu cầu của sự phát triển. Nhà nước hỗ trợ việc xây dựng hệ thống kho tàng các cơ sở bảo quản phơi sấy, sơ chế nhằm giảm hao hụt, bảo đảm chất lượng sản phẩm sau thu hoạch, hỗ trợ phát triển cho nông thôn, chợ đầu mối nông sản, tạo điều kiện đẩy mạnh lưu thông, điều tiết giá cả hàng nông sản, phát triển mạnh hệ thống khuyến nông, thú y, bảo vệ thực vật, kiểm lâm từ trung ương đến cơ sở để giúp nông dân áp dụng nhanh các tiến bộ kỹ thuật và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Giảm bớt sự đóng góp của nông dân thông qua việc miễn giảm một số phí, lệ phí...

Với thành tựu nông nghiệp đã đạt được của Nghị quyết nêu trên, chắc chắn nông nghiệp Việt Nam sẽ có bước phát triển vững chắc hơn trong quá trình hội nhập.

#### Tài liệu tham khảo

1. Ban Tư tưởng văn hoá Trung ương, *Việt Nam gia nhập WTO – cơ hội và thách thức*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.
2. Ban Tư tưởng văn hoá Trung ương, *Việt Nam - WTO, những cam kết liên quan đến nông dân, nông nghiệp, nông thôn và doanh nghiệp*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007.